

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM
2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY
SẢN GENTRACO

**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE FISCAL YEAR ENDED ...**

... CO., LTD.

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011	13 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Gentraco trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco (công ty mẹ) và Công ty cổ phần cáng Đồng Bằng (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần thủy sản Gentraco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800688429 (số cũ là 5703000379) ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 14 tháng 5 năm 2008 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh và các Chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 22 tháng 4 năm 2009 về việc thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 09 tháng 9 năm 2009 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 31 tháng 12 năm 2009 về việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ từ 44.000.000.000 VND lên 80.800.000.000 VND.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 11 tháng 8 năm 2010 về việc bổ sung cổ đông sáng lập.
- Đăng ký thay đổi lần 6 ngày 16 tháng 9 năm 2010 về việc bổ sung thêm Chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi lần 7 ngày 05 tháng 11 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 80.800.000.000 VND lên 84.800.000.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Công ty cổ phần Gentraco	41.560.000.000	49,01
Các cổ đông khác	43.240.000.000	50,99
Cộng	84.800.000.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hà Nội từ ngày 21 tháng 4 năm 2011 với mã chứng khoán là GFC.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Điện thoại : (84-710) 3853 744

Fax : (84-710) 3853 744

Mã số thuế : 1800688429

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty cổ phần thủy sản Gentraco - Chi nhánh An Giang	Ấp 2, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang
Chi nhánh Công ty cổ phần thủy sản Gentraco tại Đăk Nông	Thôn 2, xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông
Chi nhánh Công ty cổ phần thủy sản Gentraco tại Bình Dương	Lô B2 – B3, đường N5, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Công ty cổ phần thủy sản Gentraco – Chi nhánh Giống và dịch vụ thú y thủy sản.	Đường Nguyễn Trung Trực, khu vực Long Thạnh A, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Thu mua, xay xát, chế biến, kinh doanh hàng nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; Kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, nguyên liệu thức ăn gia súc, thủy hải sản; Sản xuất và kinh doanh gạo và các chế phẩm từ gạo; Kinh doanh, chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; Kinh doanh, đại lý thức ăn gia súc và các sản phẩm phục vụ chăn nuôi; Nuôi trồng thủy sản, sản xuất và kinh doanh cá giống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm thủy hải sản nguyên liệu và thương phẩm; Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm gỗ; Kinh doanh, nhập khẩu gỗ; Kinh doanh, nhập khẩu hạt nhựa và các chế phẩm từ dầu mỏ; Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng; Kinh doanh thuốc thú y thủy sản; Tư vấn xét nghiệm, kinh doanh chất phụ gia phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi; Dịch vụ vận chuyển giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng; Cho thuê kho bãi.

Công ty con

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Giấy phép thành lập</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty cổ phần Cám Đồng Bằng	Quốc lộ 54, ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401453457 ngày 15 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp	96,88%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 41).

Trong năm, Công ty cổ phần thủy sản Gentraco đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2011.NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 7 năm 2011 như sau:

- Trích lập các quỹ:	305.748.315 VND
- Chia cổ tức:	<u>8.168.915.344 VND</u>
Cộng:	8.474.663.659 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Gentraco khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
------------------	----------------	----------------------	------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-
Ông Nguyễn Văn Lê	Phó Chủ tịch	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-
Ông Trần Thanh Vân	Thành viên	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-
Ông Lê Quang Tâm	Thành viên	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-
Ông Diệp Hoàng Sơn	Thành viên	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-
Bà Huỳnh Thị Ngọc Giàu	Thành viên	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Hữu Đức	Trưởng ban	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-
Bà Hoàng Thị Minh	Thành viên	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-
Bà Trần Võ Tố Loan	Thành viên	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Tâm	Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2008	-
Ông Diệp Hoàng Sơn	Phó Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2008	-
Bà Lưu Thị Lan	Phó Giám đốc	Ngày 05 tháng 02 năm 2010	Ngày 01 tháng 6 năm 2011
Bà Vũ Thị Dung	Phó Giám đốc	Ngày 02 tháng 4 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Gentraco chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Gentraco phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo vốn chủ sở hữu;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần thủy sản Gentraco đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Gentraco cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Gentraco phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Lê Quang Tâm
Giám đốc

Ngày ... tháng 4 năm 2012

Số:/...../ BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco (công ty mẹ) và Công ty cổ phần cáng Đồng Bằng (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Gentraco. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Gentraco cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1242/KTV

TP. Cần Thơ, ngày ... tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		638,283,206,904	533,390,351,446
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3,112,072,143	6,723,539,798
1. Tiền	111		3,112,072,143	6,723,539,798
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	90,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	93,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	-	(3,000,000,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		469,088,779,924	200,012,213,989
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	204,801,446,250	57,455,730,221
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	166,118,890,030	133,252,180,751
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	101,759,833,108	12,079,526,474
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(3,591,389,464)	(2,775,223,457)
IV. Hàng tồn kho	140		156,465,187,492	229,928,119,698
1. Hàng tồn kho	141	V.8	156,465,187,492	229,928,119,698
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,617,167,345	6,726,477,961
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	683,883,854	51,433,855
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,559,754,346	2,168,831,025
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.21	2,078,243,070	1,803,483,708
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	4,295,286,075	2,702,729,373

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141,674,654,042	144,145,543,569
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		113,255,398,836	114,389,680,192
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	27,239,458,808	27,800,253,738
<i>Nguyên giá</i>	222		37,311,611,537	34,136,027,314
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10,072,152,729)	(6,335,773,576)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	85,496,394,776	85,908,073,702
<i>Nguyên giá</i>	228		87,436,417,010	86,841,611,531
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,940,022,234)	(933,537,829)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	519,545,252	681,352,752
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		27,525,585,605	28,800,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	20,225,585,605	28,800,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	7,300,000,000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		893,669,601	955,863,377
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	893,669,601	947,139,094
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	8,724,283
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		779,957,860,946	677,535,895,015

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		705,289,556,810	588,026,039,246
I. Nợ ngắn hạn	310		704,171,081,810	587,282,289,246
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	385,115,577,077	344,196,603,755
2. Phải trả người bán	312	V.19	199,754,452,937	140,885,240,795
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	117,175,485,984	101,761,525,191
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	28,343,563	57,210,569
5. Phải trả người lao động	315		11,841,000	-
6. Chi phí phải trả	316	V.22	924,567,498	218,388,819
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	898,221,506	163,320,117
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	262,592,245	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,118,475,000	743,750,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	726,750,000	743,750,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.14	391,725,000	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74,668,304,136	89,509,855,769
I. Vốn chủ sở hữu	410		74,668,304,136	89,509,855,769
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	84,800,000,000	80,800,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	106,540,779	106,540,779
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	(10,238,236,643)	8,603,314,990
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.50	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.51	-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		779,957,860,946	677,535,895,015

CÔNG TY CỔ PHẦN THUYẾT SÀN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		93.129,34	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
Người lập biểu

Lý Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,408,371,411,547	1,078,537,729,363
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,408,371,411,547	1,078,537,729,363
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,328,349,228,050	1,033,556,062,788
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80,022,183,497	44,981,666,575
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	29,356,223,881	67,769,132,195
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	97,439,686,928	89,069,533,154
Trong đó: chi phí lãi vay	23		82,401,065,111	63,358,242,929
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	17,948,292,825	8,624,921,241
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8,032,111,087	8,837,626,762
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14,041,683,462)	6,218,717,613
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3,950,857,756	1,408,538,223
12. Chi phí khác	32	VI.8	892,923,590	690,783,499
13. Lợi nhuận khác	40		3,057,934,166	717,754,724
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	V.15	625,585,605	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10,358,163,691)	6,936,472,337
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	-	937,428,959
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		8,724,283	(115,922,912)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(10,366,887,974)</u>	<u>6,114,966,290</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(10,366,887,974)	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>(1,283)</u>	<u>757</u>

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
Người lập biểu

Lý Anh Thu
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(10,358,163,691)	6,936,472,337
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	5,270,206,754	4,191,865,257
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.7	(2,183,833,993)	4,753,837,503
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	372,406,195	166,089,373
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(5,942,224,915)	(51,509,294,204)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	82,401,065,111	63,358,242,929
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		69,559,455,461	27,897,213,195
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(179,225,601,937)	(41,520,376,434)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		73,462,932,206	(95,640,291,251)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		75,100,154,096	53,928,944,248
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(578,980,506)	(202,119,804)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22, VI.4	(81,721,297,860)	(63,177,685,502)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(274,759,362)	(5,340,857,806)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		38,724,559,046	11,060,107,495
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(39,787,806,816)	(12,538,596,551)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(44,741,345,672)	(125,533,662,410)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13	(8,746,383,763)	(65,467,984,262)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7, VII	813,653,433	617,713,224
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(250,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	194,600,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(7,400,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.15, V.16, VII	2,000,000,000	10,080,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	9,402,855,503	7,063,663,045
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3,470,125,173	(110,506,607,993)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.26	4,000,000,000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	1,505,597,463,892	1,425,813,242,676
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(1,464,090,152,283)	(1,189,869,597,139)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(7,849,884,694)	(6,059,482,438)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		37,657,426,915	229,884,163,099
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3,613,793,584)	(6,156,107,304)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6,723,539,798	12,461,256,384
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,325,929	418,390,718
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3,112,072,143	6,723,539,798

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
 Người lập biểu

Lý Anh Thư
 Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22,188,339,494	8,516,357,384	2,881,825,398	279,757,937	269,747,101	34,136,027,314
Mua sắm mới	1,837,036,049	639,340,923	1,161,681,363	26,590,909	-	3,664,649,244
Đầu tư XDCB hoàn thành		297,816,070	405,686,000			703,502,070
Thanh lý, nhượng bán	(327,583,636)	(864,983,455)	-	-	-	(1,192,567,091)
Số cuối năm	23,697,791,907	8,588,530,922	4,449,192,761	306,348,846	269,747,101	37,311,611,537
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3,911,450,282	2,038,103,192	221,814,798	143,209,243	21,196,061	6,335,773,576
Khấu hao trong năm	2,559,763,120	1,146,485,765	400,533,417	56,292,800	53,949,420	4,217,024,521
Thanh lý, nhượng bán	(195,748,867)	(284,896,501)	-	-	-	(480,645,368)
Số cuối năm	6,275,464,535	2,899,692,456	622,348,215	199,502,043	75,145,481	10,072,152,729
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	18,276,889,212	6,478,254,192	2,660,010,600	136,548,694	248,551,040	27,800,253,738
Số cuối năm	17,422,327,372	5,688,838,466	3,826,844,546	106,846,803	194,601,620	27,239,458,808
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Lê Thị Kim Thảo
 Người lập biểu

Lý Anh Thư
 Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80,800,000,000	(869,956,531)	106,540,779	8,128,955,794	88,165,540,042
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	6,114,966,290	6,114,966,290
Chia cổ tức	-	-	-	(5,640,607,094)	(5,640,607,094)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	869,956,531	-	-	869,956,531
Số dư cuối năm trước	80,800,000,000	-	106,540,779	8,603,314,990	89,509,855,769
Số dư đầu năm nay	80,800,000,000	-	106,540,779	8,603,314,990	89,509,855,769
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(10,366,887,974)	(10,366,887,974)
Phát hành cổ phiếu trong năm	4,000,000,000	-	-	-	4,000,000,000
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	(305,748,315)	(305,748,315)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(8,168,915,344)	(8,168,915,344)
Số dư cuối năm nay	84,800,000,000	-	106,540,779	(10,238,236,643)	74,668,304,136

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
Người lập biểu

Lý Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco (công ty mẹ) và Công ty cổ phần cáng Đồng Bằng (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- 1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Thu mua, xay xát, chế biến, kinh doanh hàng nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; Kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, nguyên liệu thức ăn gia súc, thủy hải sản; Sản xuất và kinh doanh gạo và các chế phẩm từ gạo; Kinh doanh, chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; Kinh doanh, đại lý thức ăn gia súc và các sản phẩm phục vụ chăn nuôi; Nuôi trồng thủy sản, sản xuất và kinh doanh cá giống; Kinh doanh thuốc thú y thủy sản; Tư vấn xét nghiệm, kinh doanh chất phụ gia phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi.
- 4. Tổng số các công ty con** : 01
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty cổ phần cáng Đồng Bằng	Quốc lộ 54, ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty cổ phần Việt Ánh	Số 54, quốc lộ 54, ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	49%	49%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 71 nhân viên đang làm việc (số cuối năm trước là 97 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Gentraco (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco (công ty mẹ) và Công ty cổ phần cáng Đồng Bằng (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Tập đoàn trích khấu hao Quyền sử dụng đất có thời hạn với thời gian ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất các công ty trong Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1/2 tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ công ty mẹ như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	10%	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10%	-

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND
31/12/2011 : 20.828 VND

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	74.713.613	116.426.859
Tiền gửi ngân hàng	3.037.358.530	6.607.112.939
Cộng	<u>3.112.072.143</u>	<u>6.723.539.798</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội. Trong năm, Tập đoàn đã bán toàn bộ 600.000 trái phiếu của Ngân hàng này với giá 155.000 VND/trái phiếu.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư trái phiếu ngắn hạn. Trong năm, Tập đoàn đã hoàn nhập toàn bộ số dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn đầu năm do đã bán hết toàn bộ số trái phiếu này.

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần đầu tư & phát triển Đa Quốc Gia	7.459.795.302	8.241.533.100
Công ty cổ phần Việt Ánh	867.947.015	5.871.267.095
Công ty cổ phần DoMeNal	2.911.961.500	-
Công ty cổ phần Ewos Việt Nam	938.396.550	-
Công ty TNHH Guyomarc'h Việt Nam	1.333.966.200	1.039.937.000
Công ty cổ phần Việt An	7.686.665.500	-
Công ty TNHH hai thành viên hải sản 404	2.601.137.492	-
Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ	100.207.176.414	-
Công ty cổ phần đầu tư & phát triển viễn thông Miền Tây	13.806.984.185	-
Công ty cổ phần KL	39.905.000.000	-
Công ty cổ phần chế biến thủy hải sản Hiệp Thanh	5.072.143.807	8.723.000
Công ty cổ phần Gentraco	96.139.686	-
Công ty cổ phần sản xuất thương mại Tân Lộc	4.224.646.174	-
Các khách hàng khác	17.689.486.425	42.294.270.026
Cộng	<u>204.801.446.250</u>	<u>57.455.730.221</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số khoản phải thu trị giá 22.319.258.085 VND đã được thế chấp để đảm bảo nợ vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.18).

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Gentraco	282.034.839	86.616.900.000
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt	42.072.000.000	-
Ông Trần Văn Sang	35.944.880.419	27.088.013.003
Công ty cổ phần Việt Ánh	73.488.000.000	832.000.000
Công ty TNHH đầu tư & chế biến lương thực Thiên Ngọc	4.763.000.000	-
Công ty TNHH một thành viên Farmila	627.988.000	-
Công ty TNHH xây dựng Văn Lang	2.000.000.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Liên Hiệp	4.671.000.000	-
Công ty lương thực An Giang	750.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.519.986.772	18.715.267.748
Cộng	<u>166.118.890.030</u>	<u>133.252.180.751</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay hộ cho Nhân viên để mua cổ phiếu của Công ty	2.207.713.324	1.851.881.619
Phải thu tiền bán trái phiếu chuyển đổi cho Công ty cổ phần Việt Ánh	93.000.000.000	-
Cổ tức phải thu	-	2.352.000.000
Lãi trái phiếu phải thu	-	4.628.666.666
Tạm ứng cổ tức năm 2010	-	418.875.344
Phải thu tiền bồi thường hao hụt đã xử lý	185.211.118	1.910.238.325
Tạm ứng cho cán bộ quản lý mua cổ phiếu	4.000.000.000	-
Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ - ứng vốn	2.198.562.125	-
Các khoản phải thu khác	168.346.541	917.864.520
Cộng	<u>101.759.833.108</u>	<u>12.079.526.474</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	3.493.889.464	2.775.223.457
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.066.684.607	2.450.703.297
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.824.986.107	324.520.160
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	602.218.750	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	97.500.000	-
Cộng	<u>3.591.389.464</u>	<u>2.775.223.457</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	2.775.223.457
Trích lập dự phòng bổ sung	816.166.007
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối năm	3.591.389.464

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	69.253.087.484	49.027.781.402
Nguyên liệu, vật liệu	4.115.203.088	3.005.164.978
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	50.382.348.612	100.167.847.649
Thành phẩm	20.192.447.513	7.853.470.581
Hàng hóa	12.522.100.795	69.873.855.088
Cộng	156.465.187.492	229.928.119.698

Một số nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho trị giá 156.463.051.438 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.18).

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	148.234.371	46.653.855
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	535.649.483	4.780.000
Cộng	683.883.854	51.433.855

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.030.091.798	982.164.223
Tài sản thiếu chờ xử lý	494.477.089	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.770.717.188	1.720.565.150
Cộng	4.295.286.075	2.702.729.373

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm trang 42.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	86.821.611.531	20.000.000	86.841.611.531
Mua trong năm	186.300.000	-	186.300.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.353.739.949	-	4.353.739.949
Giảm do góp vốn	(3.945.234.470)	-	(3.945.234.470)
Số cuối năm	87.416.417.010	20.000.000	87.436.417.010
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	930.871.164	2.666.665	933.537.829

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Khấu hao trong năm	1.051.182.235	1.999.998	1.053.182.233
Giảm do góp vốn	(46.697.828)	-	(46.697.828)
Số cuối năm	1.935.355.571	4.666.663	1.940.022.234
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	85.890.740.367	17.333.335	85.908.073.702
Số cuối năm	85.481.061.439	15.333.337	85.496.394.776

Quyền sử dụng đất đảm bảo nợ vay có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 35.642.476.676 VND và 12.628.324.362 VND.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	314.042.500	4.569.190.519	(4.730.998.019)	152.235.000
XDCB dở dang	338.860.848	326.244.000	(326.244.000)	338.860.848
Sửa chữa lớn TSCĐ	28.449.404	-	-	28.449.404
Cộng	681.352.752	4.895.434.519	(5.057.242.019)	519.545.252

14. Đầu tư vào công ty con

<u>Tên công ty</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết</u>	
			<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần cám Đồng Bằng	Xay sát và kinh doanh hàng nông sản	16.000.000.000	100%	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401453457 ngày 15 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty cổ phần thủy sản Gentraco đầu tư vào Công ty cổ phần cám Đồng Bằng 15.500.000.000 VND, tương đương 96,88% vốn điều lệ. Tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, các cổ đông khác chưa thực hiện việc góp vốn nên tỷ lệ lợi ích của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco trong Công ty cổ phần cám Đồng Bằng là 100%.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
		<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần Việt Ánh ^(a)	Sản xuất và kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	49%	20.225.585.605	49%	19.600.000.000
Công ty cổ phần lương thực Nam Việt ^(b)		-	-	32,80%	9.200.000.000
Cộng			20.225.585.605		28.800.000.000

^(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000064 ngày 16 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Việt Ánh 19.600.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300071468 ngày 26 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần lương thực Nam Việt 9.200.000.000 VND, tương đương 32,80% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã rút vốn bằng tiền mặt 200.000 cổ phiếu tương đương 2.000.000.000 VND và bán 600.000 cổ phiếu tương đương 6.000.000.000 VND của Công ty cổ phần lương thực Nam Việt cho Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt. Tại thời điểm cuối năm, giá trị khoản đầu tư vào Công ty cổ phần lương thực Nam Việt thấp hơn 20% vốn điều lệ nên được chuyển sang trình bày ở khoản mục “Đầu tư dài hạn khác” (thuyết minh V.16)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phản lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm	Giá trị phần chuyển nhượng	Các khoản khác (kết chuyển trình bày lại)	Giá trị phần sở hữu cuối năm/kỳ
Công ty cổ phần Việt Anh	19.600.000.000	625.585.605	-	-	-	20.225.585.605
Công ty cổ phần lương thực Nam Việt	9.200.000.000	-	-	(8.000.000.000)	(1.200.000.000)	-
Cộng	28.800.000.000	625.585.605	-	(8.000.000.000)	(1.200.000.000)	20.225.585.605

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ	610.000	6.100.000.000	-	-
Công ty cổ phần lương thực Nam Việt	120.000	1.200.000.000	-	-
Cộng	730.000	7.300.000.000	-	-

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
	Công cụ, dụng cụ	733.075.361	258.831.672	(492.944.324)
Tiền thuê đất của Chi nhánh An Giang	159.701.333	-	(12.608.000)	147.093.333
Tiền thuê đất của Trung tâm cá giống & dịch vụ thú y thủy sản	-	192.000.000	(44.000.000)	148.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	54.362.400	88.818.000	(41.101.189)	102.079.211
Cộng	947.139.094	529.787.072	(591.886.339)	893.669.601

18. Vay và nợ ngắn hạn

Số cuối năm

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	384.588.577.077	343.051.603.755
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ^(a)</i>	37.999.246.392	80.351.252.318
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ^(b)</i>	331.098.433.094	-
<i>Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Thốt Nốt^(c)</i>	13.549.897.591	-
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Cần Thơ^(d)</i>	1.941.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)	425.000.000	1.145.000.000
Cộng	<u>385.115.577.077</u>	<u>344.196.603.755</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa và các khoản phải thu trị giá 100 tỷ đồng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa trị giá 350 tỷ đồng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Thốt Nốt để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền sử dụng đất và tín chấp trị giá 30 tỷ đồng.
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hoá tồn kho luân chuyển trị giá 20 tỷ đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	343.051.603.755	1.145.000.000	344.196.603.755
Số tiền vay phát sinh trong năm	1.505.087.463.892	-	1.505.087.463.892
Số kết chuyển từ vay dài hạn		527.000.000	527.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	(605.338.287)	-	(605.338.287)
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.462.945.152.283)	(1.145.000.000)	(1.464.090.152.283)
Số cuối năm	<u>384.588.577.077</u>	<u>527.000.000</u>	<u>385.115.577.077</u>

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Gentraco	91.299.748.289	73.771.611.252
Công ty cổ phần Việt Ánh	22.363.370.025	19.863.716.811
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt	30.138.841.038	2.879.184.277
Chi nhánh Công ty cổ phần chế biến thủy hải sản Hiệp Thanh – Xí nghiệp chế biến thức ăn	11.041.674.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
chăn nuôi		
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển viễn thông Miền Tây	13.835.246.863	-
Công ty cổ phần Geenfeed Việt Nam	9.999.785.394	222.039.006
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	2.185.239.900	-
Xí nghiệp sản xuất thức ăn thủy sản Anfoodco –		
Công ty lương thực thực phẩm An Giang	6.932.900.000	-
Công ty cổ phần lương thực Sông Hậu	2.378.000.000	-
Công ty TNHH một thành viên Việt Thái Tín	1.453.004.280	-
Công ty cổ phần Pallet Vina	2.263.407.300	16.352.996
Các nhà cung cấp khác	5.863.235.848	44.132.336.453
Cộng	<u>199.754.452.937</u>	<u>140.885.240.795</u>

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Gentraco	45.782.166.667	-
Công ty cổ phần Việt Ánh	65.217.397.600	-
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt	1.217.704.792	86.400.000.000
Ông Nguyễn Văn Bé	1.822.457.700	48.163.520
Ông Huỳnh Thanh Quân	190.000.000	-
Các khách hàng khác	2.945.759.225	15.313.361.671
Cộng	<u>117.175.485.984</u>	<u>101.761.525.191</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.451.046.133	(3.451.046.133)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.129.173.300	(5.129.173.300)	-
Thuế nhập khẩu	-	1.357.463.373	(1.357.463.373)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(1.803.483.708)	-	(274.759.362)	(2.078.243.070)
Thuế thu nhập cá nhân	57.210.569	151.500.619	(180.367.625)	28.343.563
Các loại thuế khác	-	15.928.500	(15.928.500)	-
Cộng	<u>(1.746.273.139)</u>	<u>10.148.088.998</u>	<u>(10.451.715.366)</u>	<u>(2.049.899.507)</u>

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Bã đậu nành, gạo và các phụ phẩm 5%
- Thuốc thú y và các dịch vụ 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần thủy sản Gentraco

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Công văn số 1001/CT-TTHT ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Cục Thuế TP. Cần Thơ như sau:

- Đối với lĩnh vực đầu tư tại địa bàn tỉnh Đăk Nông và huyện An Phú, tỉnh An Giang:
 - + Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động.
 - + Được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

- Đối với các lĩnh vực đầu tư tại địa bàn quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ:
 - + Đối với các lĩnh vực đầu tư: xay xát, chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; sản xuất gạo và các chế phẩm từ gạo; chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; sản xuất cá giống:
 - o Áp dụng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động.
 - o Được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo.
 - + Đối với lĩnh vực đầu tư: nuôi trồng thủy sản được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 02 năm tiếp theo.

Công ty cổ phần cáng Đồng Bằng

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Công văn số 217/CCT-TTHT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Chi Cục thuế huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp áp dụng đối với doanh nghiệp trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn cho các lĩnh vực đầu tư: xay xát, chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; sản xuất gạo và các chế phẩm từ gạo; chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; sản xuất cá giống như sau:

- + Áp dụng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động.
- + Được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.427.934.082)	6.936.472.337
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.362.075.294	465.243.498
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(7.671.621.981)</u>	<u>(3.652.000.000)</u>
Tổng thu nhập chịu thuế	(16.737.480.769)	3.749.715.835
Thu nhập được miễn thuế	(690.000.000)	-
Thu nhập tính thuế	<u>(17.427.480.769)</u>	<u>-</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>-</u>	<u>937.428.959</u>

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	898.156.070	218.388.819

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bốc xếp	26.411.428	-
Cộng	<u>924.567.498</u>	<u>218.388.819</u>

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế	4.293.000	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.314.392	-
Kinh phí công đoàn	487.363.150	150.758.827
Cổ tức phải trả	319.030.650	-
Tài sản thừa chờ xử lý	37.400.352	-
Các khoản phải trả khác	48.819.962	12.561.290
Cộng	<u>898.221.506</u>	<u>163.320.117</u>

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số trích lập từ lợi nhuận trong năm</u>	<u>Số chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(85.772.382)	305.748.315	-	219.975.933
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	42.616.312	-	-	42.616.312
Cộng	<u>(43.516.070)</u>	<u>305.748.315</u>	<u>-</u>	<u>262.592.245</u>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt đầu năm được trình bày ở chi tiêu Các khoản phải thu khác.

25. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn đầu tư dự án nuôi cá tra giống và đầu tư vào kho nguyên liệu thức ăn thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền sử dụng đất trị giá 12.150.000.000 VND.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	527.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	726.750.000
Trên 05 năm	-
Tổng nợ	<u>1.253.750.000</u>

Chi tiết phát sinh trong năm của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

Số đầu năm	743.750.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	510.000.000
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	323.000.000
Số cuối năm	<u>726.750.000</u>

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm trang 43.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước (11% mệnh giá)	7.849.884.694
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	7.849.884.694

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.480.000	8.080.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.480.000	8.080.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.480.000</i>	<i>8.080.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.480.000	8.080.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.480.000</i>	<i>8.080.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bã đậu nành	482.128.851.376	389.811.941.757
Gạo các loại	101.945.356.376	239.465.676.000
Cá	369.850.929.648	210.679.233.187
Cám các loại	118.158.880.805	59.871.097.052
Cà phê	-	55.633.294.600
Bắp hạt	129.991.196.222	35.139.207.913
Lúa mì	36.567.285.100	26.000.824.477
Mì lát	101.884.253.174	22.630.582.326
Đường	-	15.892.604.762
Thuốc thủy sản	14.661.828.657	10.636.455.448
Tầm	13.299.865.422	5.070.211.818
Thức ăn cá	30.576.633.188	5.038.000
Khác	9.306.331.579	7.701.562.023
Cộng	1.408.371.411.547	1.078.537.729.363

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bã đậu nành	458.902.207.645	376.824.298.410
Gạo các loại	103.772.121.493	233.446.451.510

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cá	310.664.938.019	194.398.124.419
Cám các loại	120.897.336.867	56.640.765.957
Cà phê	-	54.643.498.534
Bắp hạt	127.839.500.352	31.936.425.928
Lúa mì	36.199.066.960	25.313.284.618
Mì lát	100.939.766.967	21.958.121.478
Đường	-	15.334.731.428
Thuốc thủy sản	14.108.072.393	10.560.188.417
Tầm	13.541.092.625	4.594.480.504
Thức ăn cá	30.576.633.187	5.038.000
Khác (bột thịt, bột cá, điều hạt)	10.908.491.542	7.900.653.585
Cộng	<u>1.328.349.228.050</u>	<u>1.033.556.062.788</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	215.786.530	159.644.795
Lãi cho vay	72.855.503	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	690.000.000	3.652.000.000
Lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu	1.659.333.334	4.628.666.666
Lãi bán hàng trả chậm	11.425.982.408	3.589.663.045
Chiết khấu thanh toán	543.974.793	302.249.846
Lãi tiền ứng trước cho các hợp đồng	12.735.851.676	234.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.948.835.090	11.442.907.843
Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	42.080.000.000
Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán dài hạn	-	1.680.000.000
Cộng	<u>29.356.223.881</u>	<u>67.769.132.195</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	82.401.065.111	63.358.242.929
Chi phí dự phòng	(3.000.000.000)	3.000.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.592.247.128	18.039.902.852
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	446.374.689	166.089.373
Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn	-	4.480.000.000
Chi phí giao dịch bán chứng khoán	-	25.298.000
Cộng	<u>97.439.686.928</u>	<u>89.069.533.154</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.938.650.540	1.714.021.857
Chi phí vật liệu bao bì	45.799.000	10.728.720
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	430.801.768	219.969.156

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí khấu hao tài sản cố định	865.159.361	610.706.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.943.607.226	5.176.211.155
Chi phí khác	580.977.292	893.283.895
Cộng	17.948.292.825	8.624.921.241
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.271.440.679	1.658.638.467
Chi phí vật liệu quản lý	6.303.300	3.345.454
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.141.031.463	394.828.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	301.963.241	186.000.723
Thuế, phí và lệ phí	52.617.645	12.790.700
Chi phí dự phòng	816.166.007	1.770.265.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	677.418.931	928.045.245
Chi phí khác	2.586.617.579	3.883.712.756
Cộng	8.032.111.087	8.837.626.762
7. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	739.684.939	617.713.224
Thu nhập từ tài sản đem góp vốn	2.154.765.534	-
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	138.327.240	167.891.816
Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá	-	43.232.262
Tiền bồi thường hợp đồng	-	200.000.000
Thu nhập khác	918.080.043	379.700.921
Cộng	3.950.857.756	1.408.538.223
8. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	665.223.899	492.748.731
Thuế các năm trước bị truy thu	150.943.933	-
Chi phí khác	76.755.758	198.034.768
Cộng	892.923.590	690.783.499
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của công ty mẹ	(10.366.887.974)	6.114.966.290
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		6.114.966.290

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
phổ thông	(10.366.887.974)	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	<u>8.081.111</u>	<u>8.080.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(1.283)</u>	<u>757</u>

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.080.000	8.080.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 23 tháng 9 năm 2011	<u>1.111</u>	<u>-</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>8.081.111</u>	<u>8.080.000</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, các Công ty trong Tập đoàn có phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý tài sản cố định bằng cách cân trừ các khoản nợ	665.223.899	-
Thu hồi tiền đầu tư vào công ty khác thông qua cân trừ công nợ	6.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty khác thông qua góp vốn bằng tài sản cố định	6.100.000.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.4 đến VIII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn do các Công ty trong Tập đoàn chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt của các Công ty trong Tập đoàn bao gồm: thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	727.340.192	644.494.619
Thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	191.300.000	425.500.000
Cộng	<u>918.640.192</u>	<u>1.069.994.619</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần Gentraco	Công ty mẹ
Công ty cổ phần Việt Ánh	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần Gentraco</i>		
Doanh thu bán hàng	248.128.798.763	-
Mua hàng hóa	31.566.778.770	129.879.170.543
Mua tài sản cố định (xe ô tô)	500.000.000	1.879.798.364
Cổ tức năm 2010	4.571.600.000	-
Lãi bán hàng trả chậm	12.013.809.449	-
Lãi tạm ứng vốn	3.068.313.718	14.335.430.995
Phạt hợp đồng	4.867.200.000	-
Lãi ứng trước tiền hàng, lãi chậm thanh toán	784.804.175	-
<i>Công ty cổ phần cáng Đồng Bằng</i>		
Lãi ứng vốn	4.900.000	-
Góp vốn bằng tài sản	15.500.000.000	-
<i>Công ty cổ phần Việt Ánh</i>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	32.353.471.357	33.064.452.416
Mua hàng hóa	121.892.781.045	30.896.554.092
Lãi mua hàng trả chậm	2.991.935.261	383.993.696
Lãi bán hàng trả chậm	113.136.247	1.417.855.187
Bán trái phiếu	93.000.000.000	136.400.000.000
Cổ tức được chia 2010	1.350.000.000	-
Lãi ứng trước tiền hàng	1.488.000.000	-
<i>Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt</i>		
Mua hàng hóa	71.862.307.353	2.199.472.869
Bán hàng hóa	46.712.901.376	1.127.000.000
Bán cổ phiếu	6.000.000.000	10.080.000.000
Lãi ứng vốn	5.416.667	-
Lãi bán hàng trả chậm	45.393.767	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi mua hàng trả chậm	1.476.999.228	-
Trả lãi ứng trước hợp đồng	9.430.633.642	-

Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ

Doanh thu bán hàng	94.915.716.534	-
Lãi bán hàng	3.899.391.626	-
Góp vốn	6.100.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Gentraco		
Ứng trước tiền hàng	282.034.839	86.616.900.000
Bán hàng	96.139.686	-
Công ty cổ phần Việt Ánh		
Tiền hàng	867.947.015	5.871.267.095
Ứng trước tiền mua hàng	73.488.000.000	-
Bán trái phiếu	93.000.000.000	-
Cổ tức	-	2.352.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt		
Tiền hàng	42.072.000.000	1.320.000
Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ		
Phải thu tiền hàng	100.207.176.414	-
Ứng vốn	2.198.562.125	-
Cộng nợ phải thu	<u>312.211.860.079</u>	<u>94.841.487.095</u>
Công ty cổ phần Gentraco		
Tiền hàng	91.299.748.289	73.925.980.856
Ứng trước tiền hàng	45.782.166.667	-
Công ty cổ phần Việt Ánh		
Tiền hàng	22.363.370.025	19.863.716.811
Ứng trước tiền hàng	65.217.397.600	-
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt		
Ứng trước tiền hàng	1.217.704.792	86.400.000.000
Tiền hàng	30.138.841.038	2.879.184.277
Cộng nợ phải trả	<u>256.019.228.411</u>	<u>183.068.881.944</u>

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	-	-
Trên 01 năm đến 05 năm	295.093.333	159.701.333
Trên 05 năm	-	-
Cộng	<u>295.093.333</u>	<u>159.701.333</u>

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.112.072.143	6.723.539.798	3.112.072.143	6.723.539.798
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.300.000.000	90.000.000.000	7.300.000.000	90.000.000.000
Phải thu khách hàng	201.210.056.786	54.680.506.764	201.210.056.786	54.680.506.764
Các khoản phải thu khác	105.560.642.094	14.738.739.777	105.560.642.094	14.738.739.777
Cộng	317.182.771.023	166.142.786.339	317.182.771.023	166.142.786.339
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	385.842.327.077	344.940.353.755	385.842.327.077	344.940.353.755
Phải trả cho người bán	199.754.452.937	140.885.240.795	199.754.452.937	140.885.240.795
Chi phí phải trả	924.567.498	218.388.819	924.567.498	218.388.819
Các khoản phải trả khác	1.264.387.154	163.320.117	1.264.387.154	163.320.117
Cộng	587.785.734.666	486.207.303.486	587.785.734.666	486.207.303.486

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho và tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.4, V.8 và V.12). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách
Số cuối năm	
Phải thu khách hàng	22.319.258.085
Hàng tồn kho	156.463.051.438
Quyền sử dụng đất	35.642.476.676
Cộng	214.424.786.199
Số đầu năm	
Hàng tồn kho	229.928.119.698
Quyền sử dụng đất	13.498.771.231
Cộng	243.426.890.929

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Các Công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ký quỹ đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của các Công ty trong Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Gentraco chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Gentraco cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	385.115.577.077	726.750.000	-	385.332.327.077
Phải trả cho người bán	199.754.452.937	-	-	199.754.452.937
Chi phí phải trả	924.567.498	-	-	924.567.498
Các khoản phải trả khác	872.662.154	391.725.000	-	1.264.387.154
Cộng	586.667.259.666	1.118.475.000	-	587.785.734.666
Số đầu năm				
Vay và nợ	344.196.603.755	743.750.000	-	344.940.353.755
Phải trả người bán	140.885.240.795	-	-	140.885.240.795
Chi phí phải trả	218.388.819	-	-	218.388.819
Các khoản phải trả khác	163.320.117	-	-	163.320.117

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Cộng	485.463.553.486	743.750.000	-	486.207.303.486

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Các Công ty trong Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay	+ 2%	608.267.304.958
	- 2%	(608.267.304.958)
Năm trước	+ 2%	802.702.269.003
	- 2%	(802.702.269.003)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Các Công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay	+ 2%	(5.776.733.656)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
	- 2%	5.776.733.656
Năm trước	+ 2%	(5.162.949.056)
	- 2%	5.162.949.056

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các Công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
Người lập biểu

Lý Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc